**TOÁN**

ĐẠI SỐ

BÀI 12: ƯỚC CHUNG VÀ ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT

**I. Ước chung và ước chung lớn nhất**

**Hoạt động 1:**

a) Các ước của 30 và của 48 theo thứ tự tăng dần:

|  |  |
| --- | --- |
| Các ước của 30 | Các ước của 48 |
| 1 | 1 |
| 2 | 2 |
| 3 | 3 |
| 5 | 4 |
| 6 | 6 |
| 10 | 8 |
| 15 | 12 |
| 30 | 16 |
|  | 24 |
|  | 48 |

b) Các số vừa ở cột thứ nhất vừa ở cột thứ 2 là: 1;2;3;6.

Kết luận:

***Số tự nhiên n được gọi là ước chung của hai số a và b nếu n vừa là ước của a vừa là ước của b.***

***Số lớn nhất trong các ước chung của a và b được gọi là ước chung lớn nhất của a và b.***

***Quy ước:***

Viết tắt ước chung là ƯC và ước chung lớn nhất là ƯCLN

Ta kí hiệu: Tập hợp các ước chung của a và b là ƯC(a, b); ước chung lớn nhất của a và b là ƯCLN (a, b).

VD: ƯC ( 30, 48) = {1; 2; 3; 6}.

ƯCLN (30, 48) = 6

***Luyện tập 1:***

a) Số 8 là ước chung của 24 và 56 vì 8 vừa là ước của 24 vừa là ước của 56.

b) Số 8 không phải là ước chung của 14 và 48 vì 8 là ước của 48 nhưng không phải là ước của 14.

\* Chú ý:

- Số tự nhiên n được gọi là ước chung của ba số a, b, c nếu n là ước của ba số a, b, c.

***Luyện tập 2:***

Số 7 là ước chung của 14, 49, 63 vì 7 vừa là ước của 14, vừa là ước của 49, vừa là ước của 63.

**Hoạt động 2:**

a) Các ước chung của 24 và 36 là 1, 2, 3, 4, 6, 12.

Vậy ƯC(24, 36) = {1, 2, 3, 4, 6, 12}.

b) ƯCLN(24, 36) = 12.

c) ƯCLN(24, 36) = 12.

Chia ƯCLN cho các ước chung:

12 : 1 = 12

12 : 2 = 6

12 : 3 = 4

12 : 4 = 3

12 : 6 = 2

12 : 12 = 1

Kết luận:

***Ước chung của hai số là ước của ước chung lớn nhất của chúng.***

***Luyện tập 3:***

Vì ước chung của a và b đều là ƯCLN(a, b) = 80 nên tất cả các số có hai chữ số là ước chung của a và b là: 10, 16, 20, 40, 80.

**II. Tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.**

**Hoạt động 3:**

Bước 1*:* Phân tích 36 và 48 ra thừa số nguyên tố.

36 = 2.2.3.3 = 22..32

48 = 2.2.2.2.3 = 24.3

Bước 2*:* Chọn ra các thừa số nguyên tố chung của 36 và 48 là 2 và 3.

Bước 3:Với mỗi thừa số nguyên tố chung 2 và 3, ta chọn lũy thừa với số mũ nhỏ nhất:

+ Số mũ nhỏ nhất của 2 là 2; ta chọn 22.

+ Số mũ nhỏ nhất của 3 là 1; ta chọn 31.

Bước 4*:* Lấy tích của các lũy thừa đã chọn, ta nhận được ước chung lớn nhất cần tìm:

ƯCLN ( 36, 48) = 22 .31 = 12.

Kết luận:

***Tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố:***

Bước 1: *Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố.*

Bước 2*: Chọn ra các thừa số nguyên tố chung.*

Bước 3*: Với mỗi thừa số nguyên tố chung, ta chọn lũy thừa với số mũ nhỏ nhất.*

Bước 4*: Lấy tích của các lũy thừa đã chọn, ta nhận được ước chung lớn nhất cần tìm.*

***Luyện tập 4:***

126 = 2.7.32

162 = 23. 33

=> ƯCLN (126; 162) = 2.32 = 18

***Chú ý:***

- Nếu hai số đã cho không có thừa số nguyên tố chung thì ƯCLN của chúng.

- Nếu a b thì ƯCLN (a,b) = b. Chẳng hạn: ƯCLN (168, 180) = 22.31 = 4.3 = 12

LUYỆN TẬP

**Bài 1**

Tìm ƯCLN rồi tìm các ước của:

a) 16 và 24, ta có

16 = 24

24 = 23 . 3

ƯCLN( 16, 24) = 23 = 8

ƯC 16 và 24 là: 1; 2; 4.

b) 180 và 234, ta có :

180 = 22.32. 5

234 = 2. 32 . 5

ƯCLN(180; 234) = 2. 32 = 18

ƯC 180 và 234 là: 1;2;6;9;18

c) 60; 90; 135, ta có :

60 = 22.3.5

90 = 2. 32. 5

135 = 33. 5

ƯCLN(60;90;135) = 3.5= 15

ƯC 60;90;135 là: 1;3;5;1

**Bài 2**

Tìm các ước chung lớn hơn 20 của 144 và 192 ta có :

144 = 24.32

192 = 26.3

ƯCLN (144, 192) = 24.3 = 49

ƯC(144;192) = {1, 2, 3, 4, 6, 8, 12, 16, 24, 48}

Vậy các ước chung lớn hơn 20 của 144 và 192 là : **24** và **48**

**PHẦN HÌNH HỌC**

|  |
| --- |
| **III. Luyện tập**  **Bài 1 SGK trang 104**  Hình bình hành ,  Hình chữ nhật, hình thoi cũng là hình bình hành |
| **Bài 2 SGK trang 104**        Diện tích hình bình hành là ;  Độ dài đường cao là:  ()  Diện tích mảnh đất ban đầu là: |
| **\* Áp dụng**  **- Chữa bài tập 1:**  Ta có nửa chu vi hình bình hành là: (cm)  Theo dữ liệu của đầu bài, nếu như coi 1 cạnh là 1 phần thì cạnh còn lại sẽ là 5 phần. Như vậy, ta có  + Chiều dài 1 cạnh của hình hình bình hành là:  + Chiều dài cạnh kia của hình bình hành là:  Đáp án: 1 cạnh của hình bình hành có chiều dài là 200 cm, cạnh kia của hình bình hành có chiều dài là  cm  **- Chữa bài tập 2:**  Diện tích của mảnh bìa hình bình hành là: |

**KHTN**

## BÀI 14: MỘT SỐ LƯƠNG THỰC- THỰC PHẨM

**1. Một số lương thực phổ biến**

- Lương thực là thức ăn chứa hàm lượng lớn tinh bột, nguồn cung cấp chính về năng lượng và chất bột carbohydrate trong khẩu phần thức ăn.

- Ngoài ra, lương thực chứa nhiều dưỡng chất khác như protein (chất đạm), lipid (chất béo), calcium, phosphorus, sắt, các vitamin nhóm B và các khoáng chất…

**2. Một số thực phẩm phổ biến**

- Thực phẩm: là sản phẩm chứa chất bột, chất béo, chất đạm,…mà con người có thể ăn hay uống được nhằm cung cấp chất dinh dưỡng cho cơ thể.

## BÀI 15: CHẤT TINH KHIẾT- HỖN HỢP

**1. Chất tinh khiết**

- Chất tinh khiết (chất nguyên chất) được tạo ra từ một chất duy nhất.

**2. Hỗn hợp**

- Hỗn hợp được tạo ra khi hai hay nhiều chất trộn lẫn với nhau.

**3. Hỗn hợp đồng nhất hỗn hợp không đồng nhất**

- Hỗn hợp đồng nhất là hỗn hợp có thành phần giống nhau tại mọi ví trí trong toàn bộ hỗn hợp

- Hỗn hợp không đồng nhất là hỗn hợp có thành phần không giống nhau trong toàn bộ hỗn hợp

**4. Chất rắn tan và không tan trong nước**

- Một số chất rắn tan được trong nước và một số chất rắn không tan được trong nước. Khả năng tan trong nước của các chất rắn là khác nhau

**5. Các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hòa tan trong nước**

- Muốn chất rắn tan nhanh trong nước, có thể thực hiện 1, 2 hoặc cả 3 biện pháp sau:

+ Khuấy dung dịch

+ Đun nóng dung dịch

+ Nghiền nhỏ các chất rắn

**6. Chất khí tan trong nước**

- Một sốc chất khí có thể tan trong nước. Khả năng tan trong nước của các chất khí là khác nhau

**7. Dung dịch- dung môi-chất tan**

- Dung dịch là hôn hợp đồng nhất của chất tan và dung môi.

- Chất tan là chất được hoà tan trong đụng môi. Chất tan có thể là chất rằn, chất lỏng hoặc chất khí.

- Dung môi là chất dùng để hoà tan chất tan. Dung môi thường là chất lỏng.

**TIN HỌC**

**BÀI 4: MẠNG MÁY TÍNH**

1. **Mạng máy tính là gì?**

- Đặc điểm chung của các mạng lưới là kết nối và chia sẻ.

- Có mạng vận chuyển theo một chiều và có mạng vận chuyển hai chiều.

- Hai hay nhiều máy tính và các thiết bị được kết nối để truyền thông tin cho nhau tạo thành một mạng máy tính.

- Lợi ích của mạng máy tính: Người sử dụng có thể liên lạc với nhau để trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu và dùng chung các thiết bị trên mạng.

- Mạng máy tính kết nối với nhau bằng dây dẫn mạng hoặc không dây

- Mạng máy tính chia sẻ dữ liệu (tài nguyên mếm) và thiết bị (tài nguyên cứng)

1. **Các thành phần của mạng máy tính**

- Mạng máy tính được kết nối với nhau bằng đường truyền dữ liệu. (giống như con đường trong mạng lưới giao thông)

- Các thành phần của mạng máy tính gồm: Các thiết bị đầu cuối (máy tính, điện thoại, máy in, máy ảnh,...).

- Các thiết bị kết nối (đường truyền dữ liệu, bộ chia, bộ chuyển mạch, bộ định tuyến,...).

- Phần mềm mạng (ứng dụng truyền thông và phần mềm điều khiển quá trình truyền dữ liệu.

- Đường truyền không dây có nhiều ưu điểm hơn vì các thiết bị trong mạng có thế linh hoạt thay đổi vị trí mà vẫn duy trì kết nối mạng.

**VĂN**

**TIẾT 37, 38: VIẾT**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**I. Tìm hiểu yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát**

***1. Đoạn văn***

- Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bàn, biểu đạt một nội dung tương đòi trọn vẹn.

- Về hình thức: đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.

***2. Yêu cầu với đoạn văn***

- Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.

- Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.

- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ càm xúc.

- Cấu trúc gồm có ba phần:

+ Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác già và càm xúc chung về bài thơ (câu chủ để).

+ Thân đoạn: trình bày càm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật cùa bài thơ. Làm rõ càm xúc bằng những hình ành, từ ngữ được trích từ bài thơ.

+ Kết đoạn: khẳng định lại càm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bàn thân.

**II. Phân tích kiểu văn bản**

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất: xưng “tôi”.

- Bố cục gồm 3 phần: mở đoạn, thâ đoạn, kết đoạn:

+ Câu chủ đề nằm đầu đoạn văn. Nội dung: Bài ca dao gợi những cảm xúc về công cha, nghĩa mẹ

+ Thân đoạn: phân tích về nghệ thuật, nội dung của bài ca dao để làm rõ cho câu chủ đề. Đồng thời, sử dụng trích dẫn trong dấu ngoặc kép là những bằng chứng từ bài ca dao để làm rõ cảm xúc của người viết.

**II. Phân tích kiểu văn bản**

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất: xưng “tôi”.

- Bố cục gồm 3 phần: mở đoạn, thâ đoạn, kết đoạn:

+ Câu chủ đề nằm đầu đoạn văn. Nội dung: Bài ca dao gợi những cảm xúc về công cha, nghĩa mẹ

+ Thân đoạn: phân tích về nghệ thuật, nội dung của bài ca dao để làm rõ cho câu chủ đề. Đồng thời, sử dụng trích dẫn trong dấu ngoặc kép là những bằng chứng từ bài ca dao để làm rõ cảm xúc của người viết.

+ Kết đoạn: nêu cảm nhận của người viết về bài ca dao.

**III. Viết bài**

+ Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết (Xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu).

+ Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý theo phiếu học tập

+ Bước 3: Viết đoạn.

+ Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

**TIẾT 39, 40: NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**1. Chuẩn bị bài nói**

**2. Các bước tiến hành**

- Xác định mục đích nói và người người nghe.

- Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện

**3. Luyện tập và trình bày**

**4. Trao đổi về bài nói**

**TIẾNG ANH**

**UNIT 4. MY NEIGHBORHOOD**

1. **Vocabulary** *(Từ vựng)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Word** | **Pronunciation** | **Type** | **Meaning** |
| **art gallery** | */'a:t'gæl.ər.i/* | n | phòng trưng bày các tác phẩm nghệ thuật |
| **backyard** | */,bæk'jɑ:d/* | n | sân sau |
| **cathedral** | */kə'θi:drəl/* | n | nhà thờ lớn, thánh đường |
| **Convenient**  **Convenience**  **Conveniently**  **inconvenient** | */kən'vi:.ni.ənt/*  */kən'vi:niəns/*  */kən'vi:niəntli/*  */,iŋkən'vi:ni.ənt/* | adj  n  adv  adj | tiện lợi, thuận tiện  sự tiện lợi, sự thuận tiện  một cách tiện lợi  bất tiện, phiền phức |
| **crowded** | */kraʊdid/* | adj | đông đúc, đông người |
| Like ><dislike | */laik/ > </dis'laik/* | n | thích, ưa > < không ưa, ghét |
| **exciting** | */ik'sai.tiη/* | adj | Thú vị, lí thú, hứng thú |
| **fantastic** | */fæn'tæstik/* | adj | kỳ diệu; tuyệt vời |
| **historic** | */hi'stɒr.ik/* | adj | cổ, cổ kính, có tính chất lịch sử |
| **incredibly** | */in'kred.i.bli/* | adv | đáng kinh ngạc |
| **memorial** | */mə'mɔ:ri.əl/* | n | đài tưởng niệm |
| **modern** | */'mɒd.ən/* | adj | hiện đại |
| **pagoda** | */pə'gəu.də/* | n | ngôi chùa |
| **peaceful** | */'pi:s.fəl/* | adj | yên tĩnh, bình lặng |
| **polluted** | */pə'lu:tid/* | adj | ô nhiễm |
| **quiet** | */'kwaiət/* | adj | yên lặng, yên tĩnh; êm ả |
| Railway station | */'reil.wei 'stei.∫ən/* | n | ga tàu hỏa |
| **square** | */skweə[r]/* | n | quảng trường |
| **statue** | */'stæt∫u:/* | n | bức tượng |
| **suburb** | */'sʌb.ɜ:d/* | n | vùng ngoại ô |
| **temple** | */'tem.pl/* | n | đền, điện, miếu |
| **terrible** | */'terəbl/* | adj | tồi tệ |
| **workshop** | */'wɜ:k∫ɒp/* | n | phân xưởng (sản xuất, sữa chữa) |

1. **Grammar** *(Ngữ pháp)*

* **Comparative adjective.** *(Tính từ so sánh hơn.)*

## Tính từ ngắn: tính từ có 1 âm tiết, hoặc 2 âm tiết nhưng chữ cái cuối cùng của âm tiết thứ hai có kết thúc là *–y, –le, –ow, –er, và –et* được cho là *tính từ ngắn*.

**Ex**:

**Short** – */ʃɔːrt/*:  ngắn

Sweet *– /swiːt/:*ngọt

Clever – */ˈklev.ɚ/*: khéo léo, khôn khéo

## Tính từ dài: Những tính từ có từ ba âm tiết trở lên được gọi là tính từ dài.

## Ex:

## Beautiful – /ˈbjuː.t̬ə.fəl/:  đẹp Intelligent – /ɪnˈtel.ə.dʒənt/:  thông minh Expensive – /ɪkˈspen.sɪv/:  đắt đỏ

* **Công thức:**

**Short adj**: S + V + adj + **er** + **than** + N/ pronoun

**Long adj**: S + V + **more** + adj + **than** + N/ pronoun

**Ex**:

* She is **taller than** me. *(Cô ấy thì cao hơn tôi.)*
* This box is **more beautiful than** that one. *(Cái hộp này thì đẹp hơn cái hộp kia.)*

**Dạng khác:** *So sánh ít hơn*

**S + V + less + adj + than + N/pronoun**

* **Note:**
* Trong câu so sánh hơn kém, đối với tính từ ngắn ta chỉ cần thêm –**er** vào sau. Trong câu so sánh nhất thêm **–est**.

**Ex:**

* Sharp – sharper – the sharpest *(sắc – sắc hơn – sắc nhất)*
* Light – lighter – the lightest *(nhẹ – nhẹ hơn – nhẹ nhất)*
* Thêm **–r** nếu tính từ kết thúc tận cùng bằng **nguyên âm – e** trong câu so sánh hơn kém, hoặc thêm **–st** nếu trong câu **so sánh cao nhất**.

**Ex**:

* Nice – nicer – the nicest *(đẹp – đẹp hơn – đẹp nhất)*
* Close – closer – the closest *(gần – gần hơn – gần nhất)*
* Nếu tính từ kết thúc bằng **“y”** thì trong câu so sánh ta **bỏ** **“y”** để thêm **-ier** trong câu so sánh hơn kém, và thêm **-iest** trong câu so sánh cao nhất.

**Ex**:

* Happy – happier – the happiest *(hạnh phúc – hạnh phúc hơn – hạnh phúc nhất)*
* Easy – easier – the easiest *(dễ dàng – dễ dàng hơn – dễ dàng nhất)*
* Nếu trước phụ âm sau cùng là **một nguyên âm** thì cần **gấp đôi phụ âm** đó rồi mới **thêm – er** hoặc **– iest**.

**Ex**:

* Hot – hotter – the hottest *(nóng – nóng hơn – nóng nhất)*
* Big – bigger – the biggest *(to lớn – to hơn – to nhất)*
* Trong câu so sánh hơn kém chỉ cần thêm **more** vào trước tính từ, trong câu so sánh hơn nhất thì thêm **the most** vào trước tính từ.

**Ex**:

* More beautiful – the most beautiful *(đẹp hơn – đẹp nhất)*
* Những tính từ kết thúc bằng –le,–ow, –er, và –et thì có thể vừa thêm -er, -iest vào sau hoặc thêm more, the most vào trước tính từ.

**Ex**:

* Quiet – quieter – quietest/ more quiet – the most quiet.
* Clever – cleverer/– cleverest/ more clever – the most cleaver.
* Narrow – narrower – narrowest /more narrow – the most narrow.
* Simple – simpler – simplest /more simple – the most simple.
* Một số tính từ bất quy tắc khi so sánh hơn kém và cao nhất, phải học thuộc chúng.

**Ex**:

* Good – better – the best.
* Bad – worse – the worst.
* Far– farther/ further – the farthest/ furthest.

**LỊCH SỬ**

**BÀI 9: TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII(tt)**

**III. TỪ ĐẾ CHẾ HÁN, NAM - BẮC TRIỀU ĐẾN NHÀ TUỲ:**

- Nhà Hán đã cai trị suốt hơn bốn thế kỉ và được coi là một triều đại phát triển rực rỡ ở Trung Quốc.

- Sau khi nhà Hán sụp đổ, Trung Quốc bước vào thời kì loạn lạc, thống nhất xen kẽ chia rẽ.

- Đến cuối thế kỉ VI, Trung Quốc bước vào giai đoạn đỉnh cao của chế độ phong kiến.

**IV: THÀNH TỰU VĂN MINH TIÊU BIỂU CỦA TRUNG QUỐC TRƯỚC THẾ KỈ VII:**

- Các thành tựu tiêu biểu của Trung Quốc cổ đại:

+ Nho gia: là trường phái tư tưởng nổi bật nhất Trung Quốc, nhấn mạnh tôn ti trật tự, bổn phận phục tùng tuyệt đối của kẻ dưới với bề trên.

+ Chữ viết: chữ tượng hình. Chữ được khắc trên mai rùa, xương thú (giáp cốt), sau khắc trên chuông,đỉnh đồng (kim văn) và phổ biến là viết trên các thẻ tre, trúc.

+ Văn học: cổ nhất làKinh Thi, gồm nhiều sáng tác dân gian, được Khổng Tử sưu tập và chỉnh lí.

. Bộ Sử kí của Tư Mã Thiên được xem là công trình sử học đồ sộ trong thời cổ đại.

+ Y học: cách chữa bệnh bằng thảo dược châm cứu, bấm huyệt.

+ Kĩ thuật: phát minh thiết bị đo động đất, kĩ thuật dệt tơ lụa, làm giấy,...

+ Kiến trúc: các cung điện, lăng tẩm nguy nga, lộng lẫy, đặc biệt là Vạn Lí Trường Thành.

**BÀI 10: HY LẠP CỔ ĐẠI**

**I: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**

**-** Lãnh thổ Hy Lạp chủ yếu nằm ở phía nam bán đảo Ban-căng, các đảo trong vùng biển Ê-giê và ven biển phía tây Tiểu Á.

- Địa hình chủ yếu là đồi núi, đất đai khô cằn, chỉ thuận lợi cho trồng nho, ô liu.

- Có nhiều khoáng sản như đồng, sắt, vàng, bạc, đặc biệt là đá cẩm thạch nên các nghề như luyện kim, làm đồ gốm, chế tác đá,... có điều kiện để phát triển.

- Khí hậu ấm áp, thuận lợi cho hoạt động kinh tế và văn hoá của người dân.

Thuyền buôn Hy Lạp, hình vẽ trên đĩa gốm, thế kỉ VITCN.

- Có đường bờ biển dài, thuận tiện cho giao thương, buôn bán

**II. TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC THÀNH BANG**

- Hy Lạp cổ đại bao gồm nhiều thành bang độc lập. Tiêu biểu nhất là hình thức nhà nước dân chủ ở A-ten.

- Vào thế kỉ V TCN, nhà nước A-ten gồm 4 cơ quan chính: Đại hội nhân dân, Hội đồng 10 tướng lĩnh, Hội đồng 500 và Toà án 6000 người

**ĐỊA LÝ**

**BÀI 5: VỊ TRÍ TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶT TRỜI,HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC TRÁI ĐẤT( TT)**

**II. HÌNH DẠNG VÀ KÍCH THƯỚC CỦA TRÁI ĐẤT:**

- Trái đất có hình cầu.

- Bán kính Trái đất tại xích đạo là 6.378 km.

* Độ dài đường xích đạo là 40.076 km.

- Diện tích bề mặt Trái Đất hơn 510 triệu km²

**GDCD**

**Tuần 10. CHỦ ĐỀ:TÔN TRỌNG SỰ THẬT**

**1.Khái niệm tôn trọng sự thật .** Tôn trọng sự thật là suy nghĩ, nói và làm theo sự thật, bảo vệ sự thật.

**\*Biểu hiện của tôn trọng sự thật:** Ngay thẳng, thật thà, dũng cảm nhận lỗi

**\*Bài tập**

**\* Tình huống 1**: Lớp 6E là lớp cuối cùng nộp sản phẩm của phong trào Kế hoạch nhỏ. Khi mang sản phẩm xuống khu tập trung phế liệu, nhìn danh sách các lớp đã nộp, Tú thấy lớp mình chỉ kém lớp 7C có 1kg. Cô Tổng phụ trách lại vừa đi ra ngoài. Tú nói với Huyền: “Hay là mình khai tăng lên 2kg để được vị trí số 1” Huyền kiên quyết phản đối và ghi đúng khối lượng sản phẩm của lớp mình.

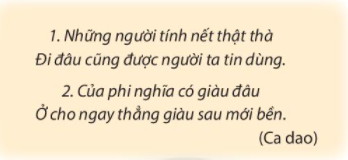
*? Em đồng tình với ý kiến của bạn Tú hay bạn Huyền? Vì sao?*

**\* Tình huống 2**: Vào giờ ra chơi, do chạy nhanh nên Nam đã vung tay làm vỡ lọ hoa. Lúc này, chỉ có An nhìn thấy do các bạn khác đang chơi bên ngoài. Sợ bị phạt, Nam nói với An giấu kín chuyện, đừng nói cho ai biết.

*1. Em có đồng tình với hành động của bạn Nam không? Vì sao?*

*2. Nếu là An, em sẽ làm gì?*

\*Viết một bài bình luận ngắn về ý nghĩa của câu ca dao đó và trình bày trước lớp.



**GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**CHỦ ĐỀ: Chạy cự ly ngắn**

**Tiết PPCT 19:**

*Bài 2: Kỹ thuật xuất phát cao, chạy lao sau xuất phát và chạy về đích*

*Kỹ thuật chạy về đích*

Học:

- Chạy chậm 6 – 10m thực hiện động tác đánh đích.

- Chạy tăng tốc độ 10 – 15m thực hiện động tác đánh đích.

**Tiết PPCT 20:**

*Bài 2: Kỹ thuật xuất phát cao, chạy lao sau xuất phát và chạy về đích*

*Kỹ thuật chạy về đích*

Ôn:

- Chạy chậm 6 – 10m thực hiện động tác đánh đích.

- Chạy tăng tốc độ 10 – 15m thực hiện động tác đánh đích.

- Ôn: Bài tập bổ trợ phát triển thể lực: Chạy tại chỗ hoặc chạy lên dốc, xuống dốc.